

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Xí nghiệp nước Long Khánh theo Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2007 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 18 tháng 02 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ nhất số 3600979223 ngày 23 tháng 03 năm 2011, chuẩn y về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lê Văn Thới thay thế cho Ông Nguyễn Xuân Yên.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ hai 29 tháng 05 năm 2013, chuẩn y về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba 11 tháng 06 năm 2013, chuẩn y về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh.

- **Vốn điều lệ** : 25.000.000.000 VND
Số cổ phần : 2.500.000 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phần
Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1.	Công đoàn		25.000	250.000.000	1,00
	Đại diện bởi:				
	- Ông Lê Văn Thới	48 đường CMT8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	25.000	250.000.000	1,00
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai		1.275.000	12.750.000.000	51,00
	Đại diện bởi:				
	- Ông Nguyễn Văn Bình	48 đường CMT8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	500.000	5.000.000.000	20,00
	- Ông Nguyễn Xuân Yên	48 đường CMT8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	275.000	2.750.000.000	11,00
	- Ông Lê Văn Anh	48 đường CMT8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	250.000	2.500.000.000	10,00
	- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	48 đường CMT8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	250.000	2.500.000.000	10,00

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
3.	Vốn người lao động	48 đường CMT8, P.Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	80.300	803.000.000	3,21
4.	Nhà đầu tư chiến lược	Tỉnh Đồng Nai	245.000	2.450.000.000	9,80
5.	Cổ Đông khác	Tỉnh Đồng Nai	874.700	8.747.000.000	34,99
	Cộng		2.500.000	25.000.000.000	100,00

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 2 bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (084 – 061) 3.877.241

Fax : (084 – 061) 3.783.879

Mã số thuế : 3 6 0 0 9 7 9 2 2 3

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. Phân phối nước sạch; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Theo dõi, giám sát thi công công trình cấp thoát nước. Tư vấn đầu thầu; Sản xuất các cấu kiện kim loại: Sản xuất sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc (Không sản xuất tại trụ sở); Lắp đặt hệ thống, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm. Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước; Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi; Thoát nước và xử lý nước thải: Xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật); Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình giao thông; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc thiết bị ngành nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 64 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 65 người).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.2, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh với số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, xem Thuyết minh số VIII.3.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là kỳ kế toán năm thứ 08 của Công ty dưới hình thức cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Áp dụng hướng dẫn Chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho kỳ kế toán năm bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị văn phòng	08
Tài sản khác	10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Giá trị phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

12. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.
- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Tiền mặt	15.751.206	83.781.637
Tiền mặt VND	15.751.206	83.781.637
Tiền gửi ngân hàng	1.351.281.873	1.479.381.995
Ngân hàng NN & PTNT - CN Long Khánh	534.237.994	1.192.318.550
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Long Khánh	136.811.782	188.667.868
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Long Khánh	630.182.777	98.395.577
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Đồng Nai	50.049.320	-
Các khoản tương đương tiền (*)	6.012.750.000	5.000.000.000
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng	6.012.750.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Nai	3.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Đồng Nai	3.012.750.000	-
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	<u>7.379.783.079</u>	<u>6.563.163.632</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất 5,1%/ năm (năm 2014 là 4,5%/năm)

2. Phải thu của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.118.663.907	5.352.446.264
Ban quản lý Dự án Long Khánh	7.573.986	7.573.986
Công ty Sonadezi An Bình - CT KCN Suối Tre	16.862.150	16.862.150
Công ty Sonadezi An Bình - CT Đường D1, D6, D3	701.113.500	-
Công ty TNHH Bình Sơn	27.453.000	27.453.000
Công ty TNHH Hồng Hà	-	39.116.201
Công ty CP du lịch Giang Điền	1.500.000.000	2.000.000.000
Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Long Thành LT Đồng Nai	436.877.000	728.741.762
Công ty TNHH MTV Địa ốc Cao su Đồng Nai	25.960.117	568.989.621
Công trình Trường Lục Quân 2	3.100.044.000	-
Công ty CP Khu Công Nghiệp	26.708.200	-
Ban quản Lý Dự án Long Khánh - CT Tuyến ống Trường Ngô Quyền	11.190.000	-
Khách hàng khác mua nước đóng chai	2.264.881.954	1.963.709.544
Cộng	<u>8.118.663.907</u>	<u>5.352.446.264</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.650.280.542	284.573.605
Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt	15.000.000	15.000.000
Trung tâm kỹ thuật ĐC nhà đất tỉnh Đồng Nai	58.700.000	58.700.000
Trịnh Thành Trung	5.111.700	5.111.700
Nguyễn Phương Thúy	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH Tam Tấn	638.842	761.905
Công ty TNHH XNK TM Hoàng Phúc	61.980.000	-
Công ty TNHH SX TM Khánh An Phát	3.850.000	-
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Hồ Hoàng	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Thanh Sơn Tính	-	200.000.000
Cộng	<u>1.650.280.542</u>	<u>284.573.605</u>

4. Phải thu khác

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	11.978.111	-	38.698.410	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	-	16.997.180	-
Bảo hiểm y tế nộp thừa	-	-	2.407.110	-
Bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa	-	-	2.994.120	-
Phải thu khác	11.978.111	-	16.300.000	-
- Thu tiền đi du lịch 2014	-	-	16.300.000	-
- Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	11.978.111	-	-	-
Tạm ứng	374.450.200	-	462.905.700	-
Bà Lê Thị Kim Tuyết	17.206.600	-	14.706.600	-
Ông Phạm Hữu Hoạt	-	-	1.500.000	-
Ông Hoàng Sỹ Châu	16.200.000	-	7.200.000	-
Ông Lê Văn Anh	10.000.000	-	10.000.000	-
Ông Đinh Văn Chung	-	-	500.000	-
Ông Nguyễn Cao Kỳ	-	-	10.947.500	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	15.000.000	-	15.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Băng Linh	-	-	28.000.000	-
Bà Lê Thị Tuyết Nga	-	-	2.700.000	-
Ông Nguyễn Văn Hòa	113.876.500	-	97.876.500	-
Ông Huỳnh Trường An	23.640.000	-	73.919.000	-
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	-	-	40.330.000	-
Ông Lê Văn Tú	42.463.000	-	24.963.000	-
Ông Thái Văn Sơn	48.245.000	-	46.000.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Phúc	18.400.000	-	18.400.000	-
Ông Phan Thanh Hải	48.863.100	-	68.863.100	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Nguyễn Văn Sơn	2.000.000	-	2.000.000	-
Huỳnh Chí Cường	2.000.000	-	-	-
Nguyễn Văn Khánh	3.000.000	-	-	-
Phạm Huỳnh Quang Thuận	13.556.000	-	-	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	141.000.000	-	-	-
Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng 92/2015/HĐXL ngày 24/08/2015	141.000.000	-	-	-
Cộng	527.428.311	-	501.604.110	-

5. Nợ xấu

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	27.453.000	-	27.453.000	27.453.000	-	27.453.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	27.453.000	-	27.453.000	27.453.000	-	27.453.000
Công ty TNHH Bình Sơn	27.453.000	-	27.453.000	27.453.000	-	27.453.000
Cộng	27.453.000	-	27.453.000	27.453.000	-	27.453.000

6. Hàng tồn kho

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	805.888.816	-	1.160.206.358	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	264.062.778	-	30.281.034	-
Thành phẩm	24.273.353	-	30.409.378	-
Cộng	1.094.224.947	-	1.220.896.770	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
01/01/2015	10.188.583.820	3.547.397.116	20.883.529.761	302.515.400	166.000.000	35.088.026.097
Tăng trong năm	957.263.954	161.372.727	1.160.171.508	-	-	2.278.808.189
Mua trong năm	752.923.637	161.372.727	-	-	-	914.296.364
XDCB hoàn thành	204.340.317	-	1.160.171.508	-	-	1.364.511.825
Giảm trong năm	-	263.539.603	-	-	-	263.539.603
Thanh lý tài sản	-	263.539.603	-	-	-	263.539.603
31/12/2015	11.145.847.774	3.445.230.240	22.043.701.269	302.515.400	166.000.000	37.103.294.683
Hao mòn lũy kế						
01/01/2015	3.450.489.315	1.787.449.705	9.222.242.012	189.918.803	62.250.000	14.712.349.835
Tăng trong năm	478.749.112	286.858.832	804.105.966	33.963.034	16.600.000	1.620.276.944
Khấu hao trong năm	478.749.112	286.858.832	804.105.966	33.963.034	16.600.000	1.620.276.944
Giảm trong năm	-	239.830.679	-	-	-	239.830.679
Thanh lý tài sản	-	239.830.679	-	-	-	239.830.679
31/12/2015	3.929.238.427	1.834.477.858	10.026.347.978	223.881.837	78.850.000	16.092.796.100
Giá trị còn lại						
01/01/2015	6.738.094.505	1.759.947.411	11.661.287.749	112.596.597	103.750.000	20.375.676.262
31/12/2015	7.216.609.347	1.610.752.382	12.017.353.291	78.633.563	87.150.000	21.010.498.583
Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
01/01/2015	1.603.115.706	713.073.902	316.158.444	-	-	2.632.348.052
31/12/2015	1.603.115.706	489.369.221	316.158.444	130.386.000	-	2.539.029.371

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Tài sản cố định khác		
Nguyên giá	110.000.000	110.000.000
Hao mòn lũy kế	20.166.667	9.166.667
Giá trị còn lại	<u>89.833.333</u>	<u>100.833.333</u>

9. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Mua sắm tài sản cố định	1.316.150.000	-
Xe Toyota Fortuner 2,7	1.109.150.000	-
Xe Huynhdai HD72	207.000.000	-
Cộng	<u>1.316.150.000</u>	<u>-</u>

10. Chi phí trả trước

Dài hạn	639.641.873	801.428.486
Thổi rửa, sửa giếng	21.818.178	43.636.362
Chi phí công cụ, dụng cụ	310.878.973	441.493.581
In 500.000 VNĐ tiền nước 3 năm	138.950.000	67.375.000
Tư vấn thiết kế	6.833.336	13.666.668
Dịch vụ môi trường rừng	100.824.375	235.256.875
Chi phí bồi thường đất	60.337.011	-
Cộng	<u>639.641.873</u>	<u>801.428.486</u>

11. Phải trả người bán

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	530.382.462	530.382.462	223.885.590	223.885.590
Công ty TNHH XD Phát Minh Long	-	-	7.600.000	7.600.000
Công ty TNHH XD Phúc Gia Huy	4.000.000	4.000.000	-	-
Công ty TNHH TM & DV Kỹ thuật DNK	-	-	44.130.800	44.130.800
Công ty TNHH MTV Khánh Đông Nam	344.498	344.498	344.498	344.498
Công ty TNHH MTV Đạt Thành Nguyên	-	-	57.822.092	57.822.092
Công ty TNHH MTV Cường Cường Thuận	32.476.000	32.476.000	-	-
Công ty TNHH Tâm Lộc Phát	50.664.600	50.664.600	25.724.600	25.724.600

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thanh Sơn				
Tính	142.516.000	142.516.000		
Thái Văn Sơn	3.929.600	3.929.600	-	-
Lê Thị Tuyết Nga	4.400.000	4.400.000	-	-
DNTN Võ Bình Thanh	-	-	24.380.000	24.380.000
Chi nhánh Công ty TNHH Minh Hòa	35.164.030	35.164.030	32.533.600	32.533.600
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	68.956.584	68.956.584	-	-
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	-	-	31.350.000	31.350.000
Công ty CP Nhựa Tân Tiến	106.971.150	106.971.150	-	-
Công ty LD TNHH ĐH nước ZENNER COMMA	80.960.000	80.960.000	-	-
Cộng	530.382.462	530.382.462	223.885.590	223.885.590
			31/12/2015	31/12/2014
Phải trả người bán là các bên liên quan			68.956.584	-
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai			68.956.584	-
Cộng			68.956.584	-
12. Người mua trả tiền trước				
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			258.636.000	-
Ban quản lý Dự án Long Khánh			258.636.000	-
Cộng			258.636.000	-
13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Chỉ tiêu	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
a) Thuế	353.015.877	4.179.872.364	3.239.764.563	1.293.123.678
Thuế GTGT hàng bán nội địa	210.848.230	1.056.337.390	655.879.940	611.305.680
Thuế thu nhập doanh nghiệp	88.158.982	1.585.401.142	1.110.000.000	563.560.124
Thuế thu nhập cá nhân	2.783.866	220.317.869	185.058.889	38.042.846
Thuế tài nguyên	51.224.799	1.305.159.163	1.276.168.934	80.215.028
Thuế đất	-	9.656.800	9.656.800	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
b) Các khoản phải nộp khác	59.064.002	734.931.883	732.261.614	61.734.271
Phí môi trường	59.064.002	734.931.883	732.261.614	61.734.271
Cộng	412.079.879	4.914.804.247	3.972.026.177	1.354.857.949

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.324.171.818	99.845.454
Chi phí công trình Xóm Hồ 2	-	99.845.454
Chi phí công trình Hệ thống nước Trường sỹ quan Lục quân 2	2.324.171.818	-
Cộng	<u>2.324.171.818</u>	<u>99.845.454</u>

15. Phải trả khác

Phải trả ngắn hạn khác	365.391.565	388.533.663
Kinh phí công đoàn	2.845.176	3.427.376
Bảo hiểm xã hội	10.977.825	-
Bảo hiểm y tế	4.388.944	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.532.945	-
Tiền cổ tức của cổ đông chưa nhận	1.947.500	4.512.500
Quỹ khen thưởng HĐQT & BKS	204.938.000	-
Quỹ kinh phí sự nghiệp	6.859.364	7.078.442
Phí môi trường rừng	55.619.960	369.737.600
Tiền cọc vỏ chai	3.250.000	-
Thu trước tiền nước máy	70.000.000	-
Thu tiền nước dư	3.031.851	3.777.745
Cộng	<u>365.391.565</u>	<u>388.533.663</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Cộng	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai – Phòng giao dịch Long Khánh

Hợp đồng tín dụng số : 15580102/2015-HĐTD/NHCT680 ngày 04 tháng 02 năm 2015

Hạn mức tín dụng : 1.500.000.000 VND

Mục đích sử dụng : Bổ sung nguồn vốn kinh doanh

Thời hạn vay : Từ ngày 04 tháng 02 năm 2015 đến ngày 16 tháng 03 năm 2015

Lãi suất : 7,00% / năm

Tài sản đảm bảo : Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 095-12012015/HĐCC ngày 12 tháng 01 năm 2015

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01/01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong năm	Tại ngày 31/12
Năm 2014				
Quỹ khen thưởng	19.600.090	215.675.589	188.858.600	46.417.079
Quỹ phúc lợi	149.775.725	143.783.726	495.310.000	(201.750.549)
Cộng	169.375.815	359.459.315	684.168.600	(155.333.470)
Năm 2015				
Quỹ khen thưởng	46.417.079	450.863.600	466.878.000	30.402.679
Quỹ phúc lợi	(201.750.549)	163.950.400	84.766.900	(122.567.049)
Cộng	(155.333.470)	614.814.000	551.644.900	(92.164.370)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (DP tài chính)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
01/01/2014	25.000.000.000	85.464.672	2.185.198.505	746.187.908	3.594.593.153	31.611.444.238
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	4.098.760.048	4.098.760.048
Phân phối lợi nhuận	-	-	555.404.181	179.729.657	(735.133.838)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(359.459.315)	(359.459.315)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
31/12/2014 (Trước khi trình bày lại)	25.000.000.000	85.464.672	2.740.602.686	925.917.565	4.098.760.048	32.850.744.971
Trình bày lại (xem Thuyết minh số VII.3)	-	-	925.917.565	(925.917.565)	-	-
31/12/2014 (Đã trình bày lại)	25.000.000.000	85.464.672	3.666.520.251	-	4.098.760.048	32.850.744.971
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	5.500.967.685	5.500.967.685
Phân phối lợi nhuận	-	-	983.946.048	-	(983.946.048)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(614.814.000)	(614.814.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
31/12/2015	25.000.000.000	85.464.672	4.650.466.299	-	5.500.967.685	35.236.898.656

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600979223 ngày 11 tháng 06 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 3		31/12/2015	31/12/2014
	VND	%	VND	VND
1. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	12.750.000.000	51,00%	12.750.000.000	12.750.000.000
2. Công đoàn	250.000.000	1,00%	250.000.000	250.000.000
3. Vốn người lao động	803.000.000	3,21%	803.000.000	803.000.000
4. Nhà đầu tư chiến lược	2.450.000.000	9,80%	2.450.000.000	2.450.000.000
5. Cổ đông khác	8.747.000.000	34,99%	8.747.000.000	8.747.000.000
Cộng	25.000.000.000	100,00%	25.000.000.000	25.000.000.000

Cổ phiếu

	2015	2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.500.000</i>	<i>2.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.500.000</i>	<i>2.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 số 18/NQ-2015 ngày 24 tháng 04 năm 2015 như sau:

	2015	2014
Chia cổ tức cho các cổ đông	2.500.000.000	2.500.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	983.946.048	735.133.838
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	614.814.000	359.459.315
Cộng	4.098.760.048	3.594.593.153

Trong đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền 614.814.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2015	2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.569.706.306	20.113.673.777
Doanh thu bán nước máy	22.821.151.900	18.477.766.950
Doanh thu bán nước đóng chai	668.114.819	360.778.633
Doanh thu lắp đặt, sửa chữa	13.080.439.587	1.275.128.194
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	36.569.706.306	20.113.673.777

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước máy	7.055.149.097	5.963.018.203
Giá vốn cung cấp nước đóng chai	687.344.863	524.742.464
Giá vốn lắp đặt, sửa chữa	11.859.689.038	1.062.327.276
Cộng	19.602.182.998	7.550.087.943

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi có kỳ hạn	188.076.579	193.018.787
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	24.558.419	18.627.834
Cộng	212.634.998	211.646.621

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	11.666.667	-
Cộng	11.666.667	-

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng	1.435.055.911	1.176.744.039
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	866.106.576	641.478.704
Chi phí dụng cụ, đồ dung	87.207.720	78.665.447
Chi phí khấu hao TSCĐ	41.140.266	32.074.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.800.000	1.050.000
Chi phí bằng tiền khác	57.633.618	60.958.029
Cộng	2.492.944.091	1.990.971.214

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	4.637.363.887	3.578.755.464
Chi phí đồ dùng văn phòng	134.207.481	121.509.768
Chi phí khấu hao TSCĐ	215.671.896	215.671.896
Thuế, phí và lệ phí	1.267.946.778	569.126.493
Chi phí dự phòng	59.302.395	3.382.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.470.589	230.979.677

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	2015	2014
Chi phí bằng tiền khác	794.174.282	740.220.165
Cộng	7.300.137.308	5.459.645.613
7. Lợi nhuận (lỗ) khác		
Thu nhập khác	-	345.197.563
Thu tiền cát công trình	-	52.950.000
Nhập lại vật tư từ công trình	-	292.247.563
Chi phí khác	289.041.413	306.894.161
Thanh lý tài sản cố định	23.708.924	-
Chi phí công trình	-	306.894.161
Xử lý chênh lệch công nợ	887	-
Xuất giảm doanh thu	265.331.602	-
Lợi nhuận (lỗ) khác	(289.041.413)	38.303.402
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.086.368.827	5.362.919.030
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	120.000.000	383.258.161
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	120.000.000	383.258.161
- <i>Thù lao hội đồng quản trị không tham gia điều hành Công ty</i>	120.000.000	120.000.000
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	-	263.258.161
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Trừ: Chuyển lỗ	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	7.206.368.827	5.746.177.191
Thuế suất thuế áp dụng	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.585.401.142	1.264.158.982
Thuế ưu đãi	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.585.401.142	1.264.158.982
Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.		
9. Lãi trên cổ phiếu		
Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.500.967.685	4.098.760.048
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	825.145.153	614.814.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.675.822.532	3.483.946.048
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.870	1.394

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.456.357.524	3.325.391.332
Chi phí nhân công	14.083.075.254	6.823.616.943
Chi phí khấu hao tài TSCĐ	1.775.676.769	1.598.026.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.128.743.496	820.343.574
Các chi phí khác	2.179.057.073	2.433.325.951
Cộng	<u>29.622.910.116</u>	<u>15.000.704.770</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	11.978.111	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
<i>Công ty CP Cấp nước Đồng Nai</i>		
Chi phí bồi thường đất	68.956.584	-
Thu tiền cho vay	-	3.000.000.000
Thu lãi cho vay	-	202.500.000
Bán hàng	-	46.500.000
Mua hàng, dịch vụ	-	8.750.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Phải trả	68.956.584	-
Cộng	<u>68.956.584</u>	<u>-</u>

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.379.783.079	7.379.783.079	6.563.163.632	6.563.163.632
Phải thu của khách hàng	8.118.663.907	8.118.663.907	5.352.446.264	5.352.446.264
Phải thu khác	141.000.000	141.000.000	-	-
Cộng	15.639.446.986	15.639.446.986	11.915.609.896	11.915.609.896
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	530.382.462	530.382.462	223.885.590	223.885.590
Chi phí phải trả	2.324.171.818	2.324.171.818	99.845.454	99.845.454
Phải trả khác	76.281.851	76.281.851	3.777.745	3.777.745
Cộng	2.930.836.131	2.930.836.131	327.508.789	327.508.789

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giải định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.379.783.079	-	-	7.379.783.079
Phải thu của khách hàng	8.118.663.907	-	-	8.118.663.907
Phải thu khác	141.000.000	-	-	141.000.000
Cộng	15.639.446.986	-	-	15.639.446.986
Phải trả cho người bán	530.382.462	-	-	530.382.462
Chi phí phải trả	2.324.171.818	-	-	2.324.171.818
Phải trả khác	-	76.281.851	-	76.281.851
Cộng	2.854.554.280	76.281.851	-	2.930.836.131

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
CL thanh khoản thuần	12.784.892.706	(76.281.851)	-	12.708.610.855
01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.563.163.632	-	-	6.563.163.632
Phải thu của khách hàng	5.286.085.974	66.360.290	-	5.352.446.264
Cộng	11.849.249.606	66.360.290	-	11.915.609.896
Phải trả cho người bán	223.885.590	-	-	223.885.590
Chi phí phải trả	99.845.454	-	-	99.845.454
Phải trả khác	-	3.777.745	-	3.777.745
Cộng	323.731.044	3.777.745	-	327.508.789
CL thanh khoản thuần	11.525.518.562	62.582.545	-	11.588.101.107

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Số liệu so sánh

Một số khoản mục tương ứng trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

	Số dư 31/12/2014 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số dư 31/12/2014 (Đã được trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Phải thu ngắn hạn khác	-	515.450.200	515.450.200
Tài sản ngắn hạn khác	515.450.200	(515.450.200)	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Quỹ đầu tư phát triển	2.740.602.686	925.917.565	3.666.520.251
Quỹ dự phòng tài chính	925.917.565	(925.917.565)	-

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm 2014 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2014 (Đã được trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.476	(82)	1.394

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 2bis, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Tỉnh Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2016



LÊ VĂN THỚI
Giám đốc

LÊ VĂN ANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Người lập biểu